



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1278/QĐ - VPCNCL ngày 29 tháng 06 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm - Phòng Khám đa khoa MEDLATEC Tây Hồ**

Medical Testing Laboratory: **Laboratory of MEDLATEC Tay Ho Polyclinic**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH MEDLATEC Tây Hồ**

Organization: **MEDLATEC Tay Ho Company Limited**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học**

Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology**

Người phụ trách/ *Representative:* **Nguyễn Thị Nhung**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Nguyễn Thị Nhung	Các xét nghiệm được công nhận/ <i>Accredited medical tests</i>
2.	Nguyễn Thị Thùy Linh	
3.	Nguyễn Thị Minh	
4.	Phạm Thị Sim	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 114**

Hiệu lực/ *Validation:* **3 năm kể từ ngày ký**

Địa chỉ/ *Address:* **số 99 phố Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội**

Địa điểm/ *Location:* **tầng 5, số 99 Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội**

Điện thoại/ *Tel:* **0815565656**

Fax: **02437150366**

E-mail: **nhung.nguyenthi@medlatec.com**

Website: **www.medlatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITATION MEDICAL TESTS
VILAS Med 114

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**

*Discipline of medical testing: **Biochemistry***

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết thanh/ huyết tương <i>Plasma/ Serum (heparin lithium)</i>	Xác định lượng Beta HCG <i>Determination of β- subunit intact human chorionic gonadotropin</i>	Sandwich/ <i>Sandwich</i>	MED-TH/QTXN.MD.27 (2022) (Architect Ci16200)
2.		Xác định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Đo điểm cuối / <i>Endpoint</i>	MED-TH/QTXN.HS.08 (2022) (Architect Ci16200)
3.		Xác định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Đo điểm cuối / <i>Endpoint</i>	MED-TH/QTXN.HS.09 (2022) (Architect Ci16200)

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITATION MEDICAL TESTS***VILAS Med 114**Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học***Discipline of medical testing: Hematology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) Whole Blood (EDTA)	Xác định số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Determination of Platelets count (PLT)</i>	Laser, Trở kháng <i>Laser, Impedance</i>	MED-TH/QTXXN.HH.58 (2022) (XN1000)
2.		Xác định số lượng hồng cầu (RBC) <i>Determination of Red blood cell count (RBC)</i>	Laser, Trở kháng <i>Laser, Impedance</i>	MED-TH/QTXXN.HH.56 (2022) (XN1000)
3.		Xác định số lượng bạch cầu (WBC) <i>Determination of White blood cells count (WBC)</i>	Laser, Trở kháng <i>Laser, Impedance</i>	MED-TH/QTXXN.HH.57 (2022) (XN1000)

Ghi chú/ Note:

- MED.TH/QTXXN: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Developed laboratory method*

